

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017



MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| 1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 5 |
| 2. Báo cáo kiểm toán độc lập | 6 - 7 |
| 3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán | |
| - Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 8 - 11 |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 12 |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 13 - 14 |
| - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất | 15 - 42 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (Công ty) và Công ty TNHH HVC Hưng Yên (Công ty con) (dưới đây gọi tắt là "Nhóm Công ty") đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 16 (lần gần nhất) ngày 05 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng).

Hoạt động của Công ty là:

- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ thiết bị gia dụng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ ủy thác mua bán hàng hóa (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: dịch vụ trang trí nội thất công trình xây dựng;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: hoạt động của các khu giải trí, bãi biển bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa, dù che;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

| <u>Họ và tên:</u> | <u>Chức vụ:</u> |
|-----------------------|--------------------------------------|
| - Ông Trần Hữu Đông | Chủ tịch |
| - Ông Lê Văn Cường | Ủy viên |
| - Ông Đỗ Huy Cường | Ủy viên |
| - Ông Nguyễn Sỹ Thành | Ủy viên [miễn nhiệm ngày 20/03/2017] |
| - Ông Trần Văn Duy | Ủy viên |
| - Ông Vũ Thành Toàn | Ủy viên [bổ nhiệm ngày 20/03/2017] |
| - Bà Vũ Thị Ngà | Ủy viên [bổ nhiệm ngày 20/03/2017] |

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

| <u>Họ và tên:</u> | <u>Chức vụ:</u> |
|-----------------------|---------------------------------------|
| - Bà Đào Thị Dung | Trưởng ban [bổ nhiệm ngày 20/03/2017] |
| - Bà Lê Thị Thu Hương | Thành viên [bổ nhiệm ngày 20/03/2017] |
| - Ông Vũ Danh Lam | Thành viên [bổ nhiệm ngày 20/03/2017] |

Ban Tổng Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này là:

| <u>Họ và tên:</u> | <u>Chức vụ:</u> |
|-------------------------|---|
| - Ông Trần Hữu Đông | Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật |
| - Ông Đỗ Huy Cường | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Lê Văn Cường | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Trương Thanh Tùng | Phó Tổng Giám đốc |
| - Bà Vũ Thị Ngà | Kế toán trưởng |

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Nhóm Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Nhóm Công ty bị phản ánh sai lệch.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Nhóm Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Nhóm Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhóm Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Nhóm Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Số: 09/2018/BCKT-PKF.HCMC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC và Công ty TNHH HVC Hưng Yên (dưới đây gọi tắt là "Nhóm Công ty") được lập ngày 13 tháng 03 năm 2018, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 08 đến trang 42 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Nhóm Công ty, và được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.



Trương Quang Trung
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2018-242-1

Trịnh Anh Đào
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2430-2018-242-1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 219.031.393.574 | 124.758.315.237 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 25.519.623.995 | 51.722.300.520 |
| Tiền | 111 | | 6.489.623.995 | 49.766.300.520 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 19.030.000.000 | 1.956.000.000 |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 59.200.000.000 | - |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 | 5.2 | 19.200.000.000 | - |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) | 122 | | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 5.2 | 40.000.000.000 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 82.485.813.902 | 21.152.254.101 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.3 | 33.629.941.012 | 13.516.923.673 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.4 | 13.850.742.153 | 7.335.604.910 |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.5 | 35.521.399.611 | 742.834.682 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | 5.6 | (516.268.874) | (443.109.164) |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| Hàng tồn kho | 140 | | 50.230.272.606 | 50.347.723.762 |
| Hàng tồn kho | 141 | 5.7 | 50.230.272.606 | 50.347.723.762 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.595.683.071 | 1.536.036.854 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.8 | 33.176.000 | 77.783.702 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 1.562.507.071 | 962.064.129 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | 496.189.023 |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 40.733.674.162 | 22.748.174.677 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | - | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 20.944.484.942 | 15.267.913.582 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.9 | 20.944.484.942 | 15.267.913.582 |
| - Nguyên giá | 222 | | 22.788.971.714 | 16.607.422.387 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (1.844.486.772) | (1.339.508.805) |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | - | - |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | - | - |
| Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | - | - |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 18.223.458.170 | 6.645.406.416 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| Chi phí XDCB dở dang | 242 | 5.10 | 18.223.458.170 | 6.645.406.416 |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.565.731.050 | 834.854.679 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.8 | 1.565.731.050 | 834.854.679 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 259.765.067.736 | 147.506.489.914 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

| NGUỒN VON | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 43.374.123.608 | 48.564.521.389 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 43.374.123.608 | 48.564.521.389 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.11 | 20.868.632.234 | 10.882.645.386 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.12 | 14.610.682.144 | 5.767.542.038 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.13 | 3.667.585.274 | 2.563.579.141 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 1.709.000.000 | 541.841.000 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.14 | 180.000.000 | 596.967.302 |
| Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 5.15 | 834.464.520 | 4.451.025.764 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.16 | 302.198.470 | 4.062.920.758 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | 19.698.000.000 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 5.17 | 1.201.560.966 | - |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | - | - |
| Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

| NGUỒN VON | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 216.390.944.129 | 98.941.968.525 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.18 | 216.390.944.129 | 98.941.968.525 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 200.000.000.000 | 87.685.200.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 200.000.000.000 | 87.685.200.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | - | - |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 15.790.589.410 | 10.956.792.871 |
| - LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 244.843.117 | 4.541.831.003 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 15.545.746.293 | 6.414.961.868 |
| Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | - | - |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 600.354.719 | 299.975.654 |
| Nguồn kinh phí | 430 | | - | - |
| Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VON | 440 | | 259.765.067.736 | 147.506.489.914 |

Ngày 13 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hồ Thanh Ngân



Vũ Thị Nga



Trần Hữu Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 2017 | 2016 |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 242.121.338.357 | 225.462.026.545 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | 5.000.002 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 6.1 | 242.121.338.357 | 225.457.026.543 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 189.020.607.006 | 184.662.164.356 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 53.100.731.351 | 40.794.862.187 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 705.552.094 | 342.937.291 |
| Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 559.535.328 | 1.449.034.987 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 415.914.000 | 1.004.925.627 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 6.5 | 10.875.894.656 | 8.408.722.692 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.6 | 21.811.215.299 | 21.231.239.239 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 20.559.638.162 | 10.048.802.560 |
| Thu nhập khác | 31 | 6.7 | 164.498.021 | - |
| Chi phí khác | 32 | 6.8 | 1.381.841.321 | 1.756.672.574 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | (1.217.343.300) | (1.756.672.574) |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 19.342.294.862 | 8.292.129.986 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 6.10 | 3.796.169.258 | 1.877.192.464 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 15.546.125.604 | 6.414.937.522 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 61 | | 15.545.746.293 | 6.414.961.868 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 379.311 | (24.346) |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.11 | 1.089 | 2.620 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 6.11 | 1.089 | 2.620 |

Ngày 13 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hồ Thanh Ngân



Vũ Thị Nga



Trần Hữu Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| KHOẢN MỤC | Mã số | 2017 | 2016 |
|--|-----------|--------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 19.342.294.862 | 8.292.129.986 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 1.608.983.817 | 1.492.523.685 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 73.159.710 | 133.077.510 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (124.028.857) | 697.169.612 |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 415.914.000 | 1.004.925.627 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 21.376.323.533 | 11.619.826.420 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (35.915.516.595) | 5.179.071.744 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 117.451.156 | (14.453.496.345) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 13.558.206.841 | (7.734.994.918) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (686.268.669) | (361.485.817) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (415.914.000) | (690.413.627) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (3.249.304.595) | (1.224.694.106) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 32.374.212.875 | 33.690.869.476 |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | (33.400.464.155) | (33.329.967.733) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (6.241.273.609) | (7.305.284.906) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (15.171.332.185) | (18.357.319.718) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn | 22 | 2.288.000.000 | 1.586.363.636 |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (59.200.000.000) | - |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | - |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (30.000.000.000) | - |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 217.079.268 | 15.415.874 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (101.866.252.917) | (16.755.540.208) |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

| KHOẢN MỤC | Mã số | 2017 | 2016 |
|---|-----------|-----------------------|-----------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | 101.602.850.000 | 75.685.200.000 |
| Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 400.000.000 | 38.489.222.420 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (20.098.000.000) | (40.770.642.420) |
| Tiền trả nợ thuê tài chính | 35 | - | - |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 81.904.850.000 | 73.403.780.000 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM | | | |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 51.722.300.520 | 2.379.345.634 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 25.519.623.995 | 51.722.300.520 |

Ngày 13 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hồ Thanh Ngân



Vũ Thị Ngà



Trần Hữu Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 16 (lần gần nhất) ngày 05 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC

- Trụ sở chính: số 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Văn phòng đại diện – Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC: tầng 8, tháp C Hồ Gươm Plaza, số 102 Trần Phú, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Kho hàng - Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC: tầng 1, TTTM Forprodex Cầu Tiên, số 1111 đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Hải Phòng

- Địa chỉ: Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Thành phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Số 39 đường 19, khu phố 2, phường Bình An, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số các công ty con: 1 (một) công ty

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 1 (một) công ty.

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không) công ty.

Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---------------------------|--|----------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH HVC Hưng Yên | Thôn Thọ Bình, xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên | 99,00% | 99,00% |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty Mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC, thông tư số 202/2014/TT-BTC và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Nhóm Công ty.

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

4.2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (Công ty) và Công ty TNHH HVC Hưng Yên (Công ty con) (dưới đây gọi tắt là "Nhóm Công ty"). Công ty con là đơn vị do Công ty kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Nhóm Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.5. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

4.6. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Nhóm Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- | | |
|--------------------|---|
| - Sản phẩm dở dang | Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo từng công trình |
| - Hàng hóa | Bình quân gia quyền |

4.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Nhóm Công ty như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 – 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 – 07 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 08 năm |
| - Tài sản cố định khác | 04 – 06 năm |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.10. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Nhóm Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Nhóm Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Nhóm Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.12. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Nhóm Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.15. Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Dự phòng phải trả của Nhóm Công ty bao gồm: Chi phí bảo hành công trình xây lắp. Đây là khoản dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành năm 2017 của Nhóm Công ty được ước tính theo chính sách trích lập dự phòng bảo hành, cụ thể như sau:

Các công trình có tỷ lệ trọng hàng hóa chiếm từ 80% trở lên, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm dưới 20% do đã có chính sách bảo hành từ nhà cung cấp nên Nhóm Công ty không tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình này.

Các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm dưới 80%, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm từ 20% trở lên thì Nhóm Công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình trên theo tỷ lệ cam kết bảo hành tại từng hợp đồng nhưng không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng.

4.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

4.17. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Nhóm Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Nhóm Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.18. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.19. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Nhóm Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Nhóm Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính riêng và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.21. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2017 (VND) | 01/01/2017 (VND) |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 1.464.337.768 | 483.998.616 |
| Tiền gửi ngân hàng | 5.025.286.227 | 49.282.301.904 |
| Các khoản tương đương tiền (i) | 19.030.000.000 | 1.956.000.000 |
| Cộng | 25.519.623.995 | 51.722.300.520 |

(i) Chi tiết như sau:

| Ngân hàng | Ngày ký | Kỳ hạn | Lãi suất | Giá trị |
|---|------------|----------|----------|-----------------------|
| Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở | 27/11/2017 | 01 tháng | 5,2%/năm | 6.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thăng Long | 18/12/2017 | 01 tháng | 5,5%/năm | 13.030.000.000 |
| | | | | 19.030.000.000 |

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua cổ phiếu ngắn hạn chưa niêm yết của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An.

| | 31/12/2017 (VND) | | | 01/01/2017 (VND) | | |
|--|-----------------------|----------|----------------|---------------------|----------|----------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá trị | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn chưa niêm yết | 19.200.000.000 | - | - | - | - | - |
| Tổng giá trị cổ phiếu (i) | 19.200.000.000 | - | (*) | - | - | (*) |
| Cộng | 19.200.000.000 | - | (*) | - | - | (*) |

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2017 (VND) | | 01/01/2017 (VND) | |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------|----------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Tiền gửi có kỳ hạn (i) | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 | - | - |
| Cộng | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 | - | - |

(i) Chi tiết như sau:

| Ngân hàng | Số hợp đồng | Ngày ký | Kỳ hạn | Lãi suất | Giá trị |
|--|--------------------------------|------------|----------|----------|-----------------------|
| Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở | HVC/171002/T GKH/TCB | 02/10/2017 | 04 tháng | 5,1%/năm | 15.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở | HVC/171009/T GKH/TCB | 09/10/2017 | 04 tháng | 5,2%/năm | 5.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thăng Long | 1110/17/STB- HVC | 11/10/2017 | 04 tháng | 5,5%/năm | 7.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở | HVCHY17100 9.1/TGKH/TC B | 09/10/2017 | 04 tháng | 5,2%/năm | 3.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở | HVCHY17100 9.2/TGKH/TC B | 09/10/2017 | 04 tháng | 5,2%/năm | 5.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở | HVCHY17100 9.3/TGKH/TC B | 09/10/2017 | 04 tháng | 5,2%/năm | 5.000.000.000 |
| | | | | | 40.000.000.000 |

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2017 (VND) | 01/01/2017 (VND) |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu khách hàng là bên liên quan | 1.518.000.000 | - |
| - Ông Lê Văn Cường | 1.518.000.000 | - |
| Phải thu khách hàng là bên thứ ba | 32.111.941.012 | 13.516.923.673 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại HVCINVEST | 15.896.490.658 | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc | 3.795.701.978 | 225.411.464 |
| - KST Mường Thanh-CN Công ty Cổ phần Tập đoàn Mường Thanh | 2.269.968.067 | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu Tư Phú Cường Kiên Giang | 1.684.886.211 | - |
| - Các đối tượng khác | 8.464.894.098 | 13.291.512.209 |
| Cộng | 33.629.941.012 | 13.516.923.673 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.4 Trả trước cho người bán

| | 31/12/2017 (VND) | 01/01/2017 (VND) |
|---|-----------------------|----------------------|
| - Công ty Cổ Phần Cơ Khí và Xây Lắp Long Biên | 6.980.148.011 | - |
| - Công ty TNHH Xây Dựng VN Nhật Minh | 1.648.539.000 | 1.000.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Cấp điện và Hệ thống LS - VINA | 1.369.061.760 | - |
| - Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Xây dựng Tiến Huy | 911.292.650 | - |
| - Công ty TNHH Thương mại Thanh Mơ | 512.763.999 | - |
| - Các nhà cung cấp khác | 2.428.936.733 | 6.335.604.910 |
| Cộng | 13.850.742.153 | 7.335.604.910 |

5.5 Phải thu khác**Phải thu ngắn hạn khác**

| | 31/12/2017 (VND) | | 01/01/2017 (VND) | |
|---|-----------------------|----------|---------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tạm ứng | 3.725.123.515 | - | 120.000.000 | - |
| - Nguyễn Ngọc Hà | 686.167.900 | - | - | - |
| - Nguyễn Duy Tuấn | 300.000.000 | - | - | - |
| - Trần Văn Nghĩa | 300.055.844 | - | - | - |
| - Các nhân viên khác | 2.438.899.771 | - | 120.000.000 | - |
| Ký quỹ, ký cược | 1.098.410.586 | - | 72.074.630 | - |
| - Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín | 3.378.857 | - | 28.854.690 | - |
| - Tại Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam | 4.723.955 | - | 31.567.649 | - |
| - Tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam | 1.090.307.774 | - | 11.652.291 | - |
| Phải thu khác | 30.697.865.510 | - | 550.760.052 | - |
| - Thuế GTGT chưa kê khai khấu trừ | 123.649.900 | - | 550.760.052 | - |
| - Trích trước lãi tiền gửi | 551.205.555 | - | - | - |
| - Công ty Cổ phần Bể Bơi Thông Minh Spool (i) | 30.000.000.000 | - | - | - |
| - Phải thu khác | 23.010.055 | - | - | - |
| Cộng | 35.521.399.611 | - | 742.834.682 | - |

(i) Công ty góp vốn vào Công ty CP Bể Bơi Thông Minh Spool theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD/2017/HVC-SPOOL ngày 23/09/2017 để cùng thực hiện hợp đồng số 09/2017/HĐKT/SƠN LONG - SPOOL ngày 21/09/2017 về cung cấp, lắp đặt hệ thống M&E, bể bơi cho dự án Khu khách sạn dịch vụ du lịch của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sơn Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.6 Nợ xấu

| | 31/12/2017 (VND) | | 01/01/2017 (VND) | |
|--|---------------------|------------------------|---------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi: | 601.425.701 | 85.156.827 | 511.813.091 | 68.703.927 |
| Từ 03 năm trở lên | 437.053.091 | - | 282.800.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà | 154.253.091 | - | - | - |
| - Bệnh viện Đa khoa Kim Thành Hải Dương | 282.800.000 | - | 282.800.000 | - |
| Từ 02 đến dưới 03 năm | 74.760.000 | 22.428.000 | 229.013.091 | 68.703.927 |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hoàng Long HABICO | 74.760.000 | 22.428.000 | 74.760.000 | 22.428.000 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà | - | - | 154.253.091 | 46.275.927 |
| Từ 01 đến dưới 02 năm | 89.612.610 | 62.728.827 | - | - |
| - Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thảo Nguyên Xanh | 75.637.210 | 52.946.047 | - | - |
| - Nhà thiếu nhi Tỉnh Hải Dương | 13.975.400 | 9.782.780 | - | - |

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | 2017 (VND) | 2016 (VND) |
|------------------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 443.109.164 | 312.466.546 |
| Trích lập dự phòng trong năm | 73.159.710 | 130.642.618 |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | - | - |
| Số cuối năm | 516.268.874 | 443.109.164 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.7 Hàng tồn kho

| | 31/12/2017 (VND) | | 01/01/2017 (VND) | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 46.790.252.409 | - | 35.245.171.990 | - |
| + Thi công hệ thống cơ điện hạ tầng, cảnh quan sân vườn GĐ2 - Vinhomes Imperial Hải Phòng - Hợp đồng 37/2017 | 7.113.211.804 | - | - | - |
| + Thi công phần M&E cho (280+295) căn biệt thự theo tiêu chuẩn bàn giao thô và hoàn thiện mặt ngoài – Dự án Vinhomes Riverside The Harmony - Hợp đồng 256/2017 | 3.497.078.837 | - | - | - |
| + Cung cấp thiết bị, vật tư và nhân công lắp đặt hệ thống công nghệ lọc nước khu Công viên nước - Dự án Vinpearl Nam Hội An - Hợp đồng 02402/2017 | 3.394.619.828 | - | - | - |
| + Cung cấp vật tư, lắp đặt hệ thống công nghệ và tư vấn thiết kế bể bơi ngoài nhà D170 và D175 thuộc hạng mục Water Park- dự án Công viên đại dương Hạ Long - Hợp đồng 40 | 3.303.309.518 | - | 2.502.505.915 | - |
| + Cung cấp lắp đặt hệ M&E cho 42 căn BT hoàn thiện nội thất - lô D1-N02.03.04.07.08.09 - Dự án Vinhomes Riverside The Harmony - Hợp đồng 1706/2017 | 3.025.688.861 | - | - | - |
| + Các công trình khác | 26.456.343.561 | - | 32.742.666.075 | - |
| - Hàng hóa | 3.440.020.197 | - | 15.102.551.772 | - |
| Cộng | 50.230.272.606 | - | 50.347.723.762 | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.8 Chi phí trả trước

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|----------------------------|----------------------|--------------------|
| | (VND) | (VND) |
| Ngắn hạn | 33.176.000 | 77.783.702 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 33.176.000 | 77.783.702 |
| Dài hạn | 1.565.731.050 | 834.854.679 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 1.565.731.050 | 834.854.679 |
| Cộng | 1.598.907.050 | 912.638.381 |

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật | Máy móc và | Phương tiện | Cộng |
|--|-----------------------|--------------------|------------------------|-----------------------|
| | kiến trúc | thiết bị | vận tải, truyền | (VND) |
| | (VND) | (VND) | dẫn (*) | (VND) |
| | (VND) | (VND) | (VND) | (VND) |
| Nguyên giá | | | | |
| 01/01/2017 | 8.018.189.005 | 312.675.200 | 8.276.558.182 | 16.607.422.387 |
| Mua trong năm | 126.818.182 | - | 609.654.545 | 736.472.727 |
| Xây dựng cơ bản hoàn thành | 11.059.338.418 | - | - | 11.059.338.418 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (5.614.261.818) | (5.614.261.818) |
| 31/12/2017 | 19.204.345.605 | 312.675.200 | 3.271.950.909 | 22.788.971.714 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| 01/01/2017 | 208.367.965 | 134.002.584 | 997.138.256 | 1.339.508.805 |
| Khấu hao trong năm | 552.158.913 | 49.963.616 | 1.066.861.288 | 1.668.983.817 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (1.164.005.850) | (1.164.005.850) |
| 31/12/2017 | 760.526.878 | 183.966.200 | 899.993.693 | 1.844.486.772 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| 01/01/2017 | 7.809.821.040 | 178.672.616 | 7.279.419.926 | 15.267.913.582 |
| 31/12/2017 | 18.443.818.727 | 128.709.000 | 2.371.957.216 | 20.944.484.942 |

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|---|-----------------------|----------------------|
| | (VND) | (VND) |
| - Văn phòng 805 Công ty CP Đầu tư và Công nghệ HVC tại Hồ Gươm Plaza | - | 3.173.841.363 |
| - Bể bơi Cty tại Thủy Nguyên - Hải Phòng | - | 2.313.301.416 |
| - Văn phòng 802 Công ty CP Đầu tư và Công nghệ HVC tại Hồ Gươm Plaza | - | 1.158.263.637 |
| - Nhà máy sản xuất thiết bị sắt thép, thiết bị lọc xử lý nước và đồ gỗ nội thất HVC | 18.223.458.170 | - |
| Cộng | 18.223.458.170 | 6.645.406.416 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2017 (VND) | | 01/01/2017 (VND) | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Phải trả người bán trong nước</i> | 20.868.632.234 | 20.868.632.234 | 9.799.990.163 | 9.799.990.163 |
| - Công ty Cổ phần Bể bơi thông minh SPOOL | 8.045.172.610 | 8.045.172.610 | - | - |
| - Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Long Biên | 3.845.278.239 | 3.845.278.239 | 267.300.000 | 267.300.000 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Tân Phát | 1.545.377.350 | 1.545.377.350 | - | - |
| - Công ty TNHH Xây dựng & Phát triển Thương mại Long Nguyễn | 1.351.072.197 | 1.351.072.197 | - | - |
| - Các nhà cung cấp khác | 6.081.731.838 | 6.081.731.838 | 9.532.690.163 | 9.532.690.163 |
| <i>Phải trả người bán nước ngoài</i> | - | - | 1.082.655.223 | 1.082.655.223 |
| - CLOCK GROUP | - | - | 1.062.657.455 | 1.062.657.455 |
| - Các nhà cung cấp khác | - | - | 19.997.768 | 19.997.768 |
| Cộng | 20.868.632.234 | 20.868.632.234 | 10.882.645.386 | 10.882.645.386 |

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | 31/12/2017 (VND) | 01/01/2017 (VND) |
|--|-----------------------|----------------------|
| - Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần | 4.733.970.909 | - |
| - Chi nhánh Quảng Nam - Công ty Cổ phần Vinpearl | 4.079.061.750 | - |
| - Công ty Cổ phần Milton | 918.802.156 | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư DHC | 805.088.127 | 643.137.699 |
| - Các khách hàng khác | 4.073.759.202 | 5.124.404.339 |
| Cộng | 14.610.682.144 | 5.767.542.038 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 31/12/2017 (VND) | | 01/01/2017 (VND) | |
|------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| - Thuế giá trị gia tăng | 1.147.607.003 | 1.147.607.003 | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.485.971.261 | 2.485.971.261 | 1.939.106.597 | 1.939.106.597 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 34.007.010 | 34.007.010 | 551.838.688 | 551.838.688 |
| - Phí, lệ phí | - | - | 72.633.856 | 72.633.856 |
| Cộng | 3.667.585.274 | 3.667.585.274 | 2.563.579.141 | 2.563.579.141 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2017 (VND) | 01/01/2017 (VND) |
|---|---------------------|---------------------|
| - Chi phí lãi vay phải trả | - | 314.512.000 |
| - Chi phí thưởng vượt doanh số hàng năm | - | 146.743.302 |
| - Chi phí khác | 180.000.000 | 135.712.000 |
| Cộng | 180.000.000 | 596.967.302 |

5.15 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

| | 31/12/2017 (VND) | 01/01/2017 (VND) |
|--|---------------------|----------------------|
| - Doanh thu cung cấp, lắp đặt thiết bị | 709.464.520 | 4.451.025.764 |
| - Doanh thu cho thuê văn phòng | 125.000.000 | - |
| Cộng | 834.464.520 | 4.451.025.764 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.16 Phải trả khác

| | 31/12/2017 (VND) | 01/01/2017 (VND) |
|---|---------------------|----------------------|
| Phải trả khác là bên liên quan | 300.000.000 | - |
| - Ông Lê Văn Cường (i) | 300.000.000 | - |
| Các khách hàng độc lập | 2.198.470 | 4.062.920.758 |
| - Bảo hiểm xã hội phải nộp | 2.198.470 | 3.677.370 |
| - Công ty Cổ phần Vinpearlland - Tạm ứng thực hiện hợp đồng | - | 4.059.243.388 |
| Cộng | 302.198.470 | 4.062.920.758 |

(i) Là khoản Ông Lê Văn Cường cho Công ty mượn tiền theo Hợp đồng mượn số 01/2017/HĐV ngày 27/12/2017. Thời hạn mượn 15 ngày. Mục đích mượn tiền nhằm hỗ trợ năng lực tài chính của Công ty TNHH HVC Hưng Yên và không tính lãi.

5.17 Dự phòng phải trả

| | 31/12/2017 (VND) | 01/01/2017 (VND) |
|---|----------------------|---------------------|
| Ngắn hạn | | |
| - Dự phòng bảo hành công trình xây dựng | 1.201.560.966 | - |
| Cộng | 1.201.560.966 | - |

5.18 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND) | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND) | Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND) | Cộng (VND) |
|---------------------------|---------------------------------------|--|--|------------------------|
| 01/01/2016 | 12.000.000.000 | 4.541.831.003 | - | 16.541.831.003 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | 6.414.961.868 | (24.346) | 6.414.937.522 |
| Tăng vốn trong năm trước | 75.685.200.000 | - | 300.000.000 | 75.985.200.000 |
| 31/12/2016 | 87.685.200.000 | 10.956.792.871 | 299.975.654 | 98.941.968.525 |
| 01/01/2017 | 87.685.200.000 | 10.956.792.871 | 299.975.654 | 98.941.968.525 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | 15.545.746.293 | 379.311 | 15.546.125.604 |
| Tăng vốn trong kỳ này | 101.602.850.000 | - | 300.000.000 | 101.902.850.000 |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu | 10.711.950.000 | (10.711.950.000) | - | - |
| 31/12/2017 | 200.000.000.000 | 15.790.589.164 | 600.354.965 | 216.390.944.129 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Cổ phiếu

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| | (VND) | (VND) |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 20.000.000 | 10.800.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 20.000.000 | 8.768.520 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 20.000.000 | 8.768.520 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 20.000.000 | 8.768.520 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 20.000.000 | 8.768.520 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|----------------------------------|-------------------|-------------------|
| | (VND) | (VND) |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp đầu năm | 87.685.200.000 | 12.000.000.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | 112.314.800.000 | 75.685.200.000 |
| Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| Vốn góp cuối năm | 200.000.000.000 | 87.685.200.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 10.711.950.000 | - |

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | 2017 | 2016 |
|---|------------------------|------------------------|
| | (VND) | (VND) |
| Tổng doanh thu | 242.121.338.357 | 225.462.026.545 |
| - Doanh thu bán hàng hóa | 13.811.978.117 | 5.048.353.440 |
| - Doanh thu thi công lắp đặt công trình | 221.836.419.055 | 220.413.673.105 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 6.472.941.185 | - |
| Các khoản giảm trừ doanh thu: | - | 5.000.002 |
| - Chiết khấu Thương mại | - | 5.000.002 |
| Doanh thu thuần, trong đó: | 242.121.338.357 | 225.457.026.543 |
| - Doanh thu thuần bán hàng hóa | 13.811.978.117 | 5.043.353.438 |
| - Doanh thu thuần thi công lắp đặt công trình | 221.836.419.055 | 220.413.673.105 |
| - Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ | 6.472.941.185 | - |

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

| | 2017 | 2016 |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | (VND) | (VND) |
| - Giá vốn hàng hóa | 11.551.211.796 | 3.211.780.338 |
| - Giá vốn thi công lắp đặt công trình | 171.162.973.412 | 181.450.384.018 |
| - Giá vốn cung cấp dịch vụ | 6.306.421.798 | - |
| Cộng | 189.020.607.006 | 184.662.164.356 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2017 (VND) | 2016 (VND) |
|--------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| - Lãi tiền gửi ngân hàng | 612.729.183 | 15.854.669 |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá | 92.822.911 | 327.082.622 |
| Cộng | 705.552.094 | 342.937.291 |

6.4. Chi phí tài chính

| | 2017 (VND) | 2016 (VND) |
|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| - Chi phí lãi vay | 415.914.000 | 1.004.925.627 |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá | 143.621.328 | 444.109.360 |
| Cộng | 559.535.328 | 1.449.034.987 |

6.5. Chi phí bán hàng

| | 2017 (VND) | 2016 (VND) |
|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| - Chi phí nhân viên | 100.977.600 | - |
| - Chi phí vật liệu, bao bì | 12.645.000 | - |
| - Chi phí bảo hành công trình | 3.350.641.500 | 148.306.507 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.857.732.373 | 3.632.814.434 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 4.553.898.183 | 4.627.601.751 |
| Cộng | 10.875.894.656 | 8.408.722.692 |

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 2017 (VND) | 2016 (VND) |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| - Chi phí nhân viên quản lý | 12.302.920.229 | 13.034.113.592 |
| - Chi phí đồ dùng quản lý | 1.023.610.337 | 763.203.131 |
| - Chi phí vật liệu quản lý | 227.229.753 | 238.739.820 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.668.983.817 | 1.492.523.685 |
| - Thuế, phí và lệ phí | 289.994.075 | 89.605.357 |
| - Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi | 73.159.710 | 130.642.618 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.345.141.187 | 712.968.469 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 4.880.176.191 | 4.769.442.567 |
| Cộng | 21.811.215.299 | 21.231.239.239 |

6.7. Thu nhập khác

| | 2017 (VND) | 2016 (VND) |
|-----------------|-----------------------------|-----------------------------|
| - Thu nhập khác | 164.498.021 | - |
| Cộng | 164.498.021 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.8. Chi phí khác

| | 2017 (VND) | 2016 (VND) |
|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| - Lỗ do thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 990.255.967 | 1.463.805.044 |
| - Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính | 319.952.980 | 139.935.415 |
| - Phạt vi phạm hợp đồng | - | 99.732.529 |
| - Phạt chậm nộp bảo hiểm | 1.467.142 | 11.399.586 |
| - Chi phí khác | 70.165.232 | 41.800.000 |
| Cộng | 1.381.841.321 | 1.756.672.574 |

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | 2017 (VND) | 2016 (VND) |
|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 140.894.888.908 | 181.069.237.544 |
| Chi phí nhân công | 42.911.742.273 | 31.405.166.864 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.668.983.817 | 1.492.523.685 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 20.436.692.947 | 9.917.929.107 |
| Chi phí bằng tiền khác | 9.724.068.449 | 8.231.277.045 |
| Cộng | 140.894.888.908 | 181.069.237.544 |

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | 2017 (VND) | 2016 (VND) |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 3.796.169.258 | 1.877.192.464 |
| Cộng | 3.796.169.258 | 1.877.192.464 |

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

| | 2017 (VND) | 2016 (VND) |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Phát sinh tại công ty Mẹ (Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC) | 3.787.301.291 | 1.877.192.464 |
| Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH HVC Hưng Yên) | 8.867.967 | - |
| Cộng | 3.796.169.258 | 1.877.192.464 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | 2017 (VND) | 2016 (VND) |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 15.545.746.293 | 6.414.961.868 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 15.545.746.293 | 6.414.961.868 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 14.276.648 | 2.448.083 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.089 | 2.620 |

Nhóm Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc năm tài chính.

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | 2017 (Số cổ phiếu) | 2016 (Số cổ phiếu) |
|---|-------------------------------------|-------------------------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 8.768.520 | 1.200.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành | 5.508.128 | 1.248.083 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 14.276.648 | 2.448.083 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, các giao dịch không bằng tiền như sau:

| | <u>2017</u> <u>(VND)</u> | <u>2016</u> <u>(VND)</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa thu được bằng tiền | 551.205.555 | - |
| Thanh lý tài sản cố định chưa thu được bằng tiền | 1.518.000.000 | - |

8 THÔNG TIN KHÁC**8.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có****8.2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2017) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

8.3. Thông tin về các bên có liên quan***Các bên liên quan:***

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh.

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Nhóm Công ty với các bên có liên quan như sau:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Nghiệp vụ</u> | <u>2017</u> <u>(VND)</u> |
|---------------------------------|---------------------------------|-----------------------------|
| Các thành viên quản lý chủ chốt | Bán thanh lý tài sản cố định | 2.780.000.000 |
| | Vay trong năm | 700.000.000 |
| | Trả tiền vay trong năm | (20.098.000.000) |
| | Lãi tiền vay phải trả trong năm | (415.914.000) |

Số dư với các bên liên quan:

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Nhóm Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

| | <u>31/12/2017</u> <u>(VND)</u> | <u>01/01/2017</u> <u>(VND)</u> |
|--|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Các thành viên quản lý chủ chốt | | |
| - Phải thu tiền bán thanh lý tài sản cố định | 1.518.000.000 | - |
| Cộng nợ phải thu | 1.518.000.000 | - |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | 31/12/2017 (VND) | 01/01/2017 (VND) |
|--|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Các thành viên quản lý chủ chốt | | |
| - Phải trả tiền mượn | 300.000.000 | - |
| Cộng nợ phải trả | 300.000.000 | - |
| Thu nhập của các thành viên của Ban Tổng Giám đốc | | |
| | 2017 (VND) | 2016 (VND) |
| Thu nhập, thù lao | 1.955.219.840 | 1.818.291.675 |
| Cộng | 1.955.219.840 | 1.818.291.675 |

8.4. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Giám đốc xem xét và tổng nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | Dưới 1 năm (VND) | Từ 1 năm trở lên (VND) | Tổng cộng (VND) |
|-------------------------------------|-------------------------|---------------------------|-------------------------|
| 31/12/2017 | | | |
| Giá trị ghi sổ: | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 25.519.623.995 | - | 25.519.623.995 |
| Chứng khoán kinh doanh | 19.200.000.000 | - | 19.200.000.000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 40.000.000.000 | - | 40.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 33.629.941.012 | - | 33.629.941.012 |
| Các khoản phải thu khác | 35.521.399.611 | - | 35.521.399.611 |
| Trừ: | | | |
| Dự phòng phải thu khó đòi | (516.268.874) | - | (516.268.874) |
| Tổng cộng | 153.354.695.744 | - | 153.354.695.744 |
| 31/12/2017 | | | |
| Phải trả cho người bán | (20.868.632.234) | - | (20.868.632.234) |
| Phải trả khác | (302.198.470) | - | (302.198.470) |
| Chi phí phải trả | (180.000.000) | - | (180.000.000) |
| Vay và nợ thuê tài chính | - | - | - |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | (1.201.560.966) | - | (1.201.560.966) |
| Tổng cộng | (22.552.391.670) | - | (22.552.391.670) |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 130.802.304.074 | - | 130.802.304.074 |
| 01/01/2017 | | | |
| Giá trị ghi sổ: | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 51.722.300.520 | - | 51.722.300.520 |
| Chứng khoán kinh doanh | - | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | - | - | - |
| Phải thu khách hàng | 13.516.923.673 | - | 13.516.923.673 |
| Các khoản phải thu khác | 742.834.682 | - | 742.834.682 |
| Trừ: | | | |
| Dự phòng phải thu khó đòi | (443.109.164) | - | (443.109.164) |
| Tổng cộng | 65.538.949.711 | - | 65.538.949.711 |
| 01/01/2017 | | | |
| Phải trả cho người bán | (10.882.645.386) | - | (10.882.645.386) |
| Phải trả khác | (4.062.920.758) | - | (4.062.920.758) |
| Chi phí phải trả | (596.967.302) | - | (596.967.302) |
| Vay và nợ thuê tài chính | (19.698.000.000) | - | (19.698.000.000) |
| Tổng cộng | (35.240.533.446) | - | (35.240.533.446) |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 30.298.416.265 | - | 30.298.416.265 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

| | 31/12/2017 (VND) | | 01/01/2017 (VND) | |
|--|------------------------|------------------|-----------------------|------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý |
| Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu: | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 25.519.623.995 | 25.519.623.995 | 51.722.300.520 | 51.722.300.520 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 | - | - |
| Phải thu khách hàng | 33.629.941.012 | 33.113.672.138 | 13.516.923.673 | 13.073.814.509 |
| Các khoản phải thu khác | 35.521.399.611 | 35.521.399.611 | 742.834.682 | 742.834.682 |
| Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán: | | | | |
| Chứng khoán kinh doanh | 19.200.000.000 | (*) | - | (*) |
| Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: | | | | |
| Phải trả cho người bán | (20.868.632.234) | (20.868.632.234) | (10.882.645.386) | (10.882.645.386) |
| Phải trả khác | (302.198.470) | (302.198.470) | (4.062.920.758) | (4.062.920.758) |
| Chi phí phải trả | (180.000.000) | (180.000.000) | (596.967.302) | (596.967.302) |
| Vay và nợ thuê tài chính | - | - | (19.698.000.000) | (19.698.000.000) |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | (1.201.560.966) | (1.201.560.966) | - | - |
| Cộng | 131.318.572.948 | (*) | 30.741.525.429 | (*) |

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

8.5. Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM (AIS) và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty TNHH HVC Hưng Yên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM (AIS)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

8.6. Tính hoạt động liên tục của Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

8.7. Thông tin về bộ phận

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực thương mại (bán hàng hóa); lĩnh vực thi công xây lắp bể bơi, hệ thống điện; lĩnh vực cho thuê văn phòng. Chi tiết báo cáo bộ phận theo từng ngành nghề như sau:

| | Dịch vụ thi công | | | 2017 (VND) |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Bán hàng hóa (VND) | lắp đặt (VND) | Dịch vụ khác (VND) | |
| Doanh thu thuần theo bộ phận | 13.811.978.117 | 221.836.419.055 | 6.472.941.185 | 242.121.338.357 |
| Giá vốn hàng bán theo bộ phận | (11.551.211.796) | (171.162.973.412) | (6.306.421.798) | (189.020.607.006) |
| Lợi nhuận gộp theo bộ phận | 2.260.766.321 | 50.673.445.643 | 166.519.387 | 53.100.731.351 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (32.687.109.955) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 20.413.621.396 |
| Doanh thu tài chính | | | | 705.552.094 |
| Chi phí tài chính | | | | (559.535.328) |
| Thu nhập khác | | | | 164.498.021 |
| Chi phí khác | | | | (1.381.841.321) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (3.796.169.258) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 15.546.125.604 |

Ngày 13 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hồ Thanh Ngân




Vũ Thị Ngà

Trần Hữu Đông